

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2019/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 24/TTr-STC ngày 11 tháng 10 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo số 101/BC-STP ngày 21 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin

và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện*), các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu (*sau đây gọi tắt là CSDL*) quốc gia thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, doanh nghiệp (*sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị*) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công và các cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, thống nhất; chính xác số liệu của toàn tỉnh, từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện đăng ký trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 3. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản công vào cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để quản lý thống nhất, bao gồm:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm: Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản cố định khác;

b) Tài sản công do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng;

d) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

đ) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo gửi Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính cập nhật thông tin, duyệt dữ liệu của tài sản công phải báo cáo kê khai thuộc phạm vi quản lý đối với báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công khi có xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

1. Hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Sở Tài chính chịu trách nhiệm lập, gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*sau đây gọi tắt là Nghị định 151/2017/NĐ-CP*).

3. Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm, cụ thể như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên (nếu có) trước ngày 31 tháng 01 hàng năm;

b) Cơ quan cấp trên (sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện) lập báo cáo gửi UBND tỉnh thông qua Sở Tài chính để rà soát, tổng hợp trước ngày 28 tháng 02 hàng năm;

c) Sở Tài chính lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 3 hàng năm, để xem xét báo cáo Bộ Tài chính.

4. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc chốt số liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong CSDL quốc gia để báo cáo vào ngày

28 tháng 02 hàng năm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không lập báo cáo tăng, giảm tài sản của năm báo cáo phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Phối hợp trong việc lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa khai thác, xử lý tài sản công

1. Đối với việc lập dự toán mua sắm tài sản công, trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc lập dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa khai thác, xử lý tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công phải căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét (hồ sơ trình kèm thông tin về hiện trạng, số lượng tài sản công hiện có), trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công: Sở Tài chính (trong trường hợp việc mua sắm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch (trong trường hợp việc mua sắm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) chịu trách nhiệm về sự cần thiết mua sắm, sự phù hợp của đề nghị mua sắm với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trường hợp cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản công tại đơn vị, nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công

1. Cơ quan thẩm tra, xét duyệt, thẩm định quyết toán (Sở Tài chính, Phòng Tài chính- Kế hoạch) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản công thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản công đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định.

Điều 7. Phối hợp cung cấp thông tin trong công tác xử lý tài sản công

1. Khi có tài sản công đề nghị xử lý (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý), cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công lập hồ sơ đề nghị xử lý gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, xem xét, quyết định.

2. Đối với quyết định xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ đề nghị xử lý gửi về Sở Tài chính qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

3. Đối với quyết định xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, hồ sơ đề nghị xử lý gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

Điều 8. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản công in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính

a) Cập nhật thông tin của tài sản công phải báo cáo kê khai, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong CSDL quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

b) Tổng hợp dự thảo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi tỉnh Quảng Ngãi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập báo cáo kê khai, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản công đã có xác nhận đến Sở Tài chính.

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP đối với các cơ

quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

a) Báo cáo kê khai tài sản công theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP gửi cơ quan quản lý cấp trên xác nhận (*đối với các đơn vị trực thuộc*) hoặc Sở Tài chính (*đối với các đơn vị dự toán cấp I*) đối với trường hợp báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công được giao quản lý sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP theo quy định tại Điều 4 quy chế này;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về tài sản công và Quy chế này.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng